



BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

*

Số 106-KL/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2026

KẾT LUẬN
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIV
về tình hình phát triển kinh tế - xã hội,
thực hiện ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch năm 2027

Ban Chấp hành Trung ương Đảng cơ bản tán thành nội dung các Báo cáo về tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) năm 2026, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027; đánh giá thực hiện ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2026 và dự toán NSNN năm 2027 do Đảng uỷ Chính phủ trình; đồng thời lưu ý, nhấn mạnh một số nội dung sau đây:

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NĂM 2026

Năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tổ chức thành công Đại hội XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, Đại hội XI của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là năm đầu triển khai Nghị quyết Đại hội XIV. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và ban hành những chủ trương, quyết sách lớn, mang tính chiến lược, bao quát các nền tảng và động lực phát triển đất nước; trọng tâm là Kết luận số 18-KL/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam, các nghị quyết chiến lược, đột phá của Bộ Chính trị, từng bước định hình mô hình phát triển mới, tạo đà tăng tốc, bứt phá.

Trong bối cảnh thế giới khó khăn, thách thức, nhưng nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự ủng hộ của Nhân dân, đất nước ta tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện, đột phá với nhiều điểm sáng nổi bật. Tăng trưởng kinh tế cao, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn cơ bản được bảo đảm, nợ công, bội chi thấp hơn giới hạn quy định. Tăng trưởng GDP 9 tháng ước đạt 9,01%. Thu NSNN 9 tháng ước đạt khoảng 2,19 triệu tỉ đồng, đạt 86,5% dự toán và tăng 12,1% so với cùng kỳ, cả năm ước vượt ít nhất 10% so với năm 2025 dù đã miễn, giảm, gia hạn khoảng 360 nghìn tỉ đồng thuế, phí. Chính sách tiền tệ được điều hành chủ động, linh hoạt; tỉ giá cơ bản ổn định. Thị trường chứng khoán được nâng hạng. Các ngành, lĩnh vực chủ yếu tăng trưởng tích cực; thu hút vốn FDI cao nhất từ năm 2021 đến nay, nhất là trong chế biến, chế tạo, bán dẫn, công nghệ cao. An ninh năng lượng, an ninh lương thực được giữ vững;

giá xăng dầu giữ ở mức thấp so với khu vực, không tăng giá điện dù nhu cầu tăng cao nhất từ trước tới nay. Các tổ chức quốc tế đánh giá tích cực về kết quả, nâng triển vọng và tiềm năng tăng trưởng của Việt Nam.

Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh chuyển biến rõ nét; nhiều luật, nghị quyết quan trọng được ban hành, tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực; khắc phục tình trạng nợ văn bản quy định chi tiết. Đã cắt giảm 53% thời gian, 55% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, vượt yêu cầu tại Kết luận số 18-KL/TW. Chính quyền địa phương 2 cấp vận hành cơ bản ổn định, thông suốt; hoàn thành sắp xếp thôn, tổ dân phố. Điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch 6 vùng KTXH. Công tác thanh tra, kiểm tra, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được tăng cường.

Phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược đạt nhiều kết quả rõ nét, mở rộng không gian phát triển. Các dự án hạ tầng trọng điểm, nhất là các tuyến đường sắt, cảng hàng không, cảng biển kết nối quốc tế, khu vực được đẩy mạnh; hoàn thành thêm 395 km đường bộ cao tốc, thông toàn tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông; khởi công đồng loạt 5 tuyến đường sắt đô thị tại Hà Nội. Hạ tầng văn hoá, xã hội, ứng phó với biến đổi khí hậu... tiếp tục được quan tâm, đầu tư. Các dự án, đất đai tồn đọng kéo dài được tập trung tháo gỡ.

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số có bước tiến mới, gắn với triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Triển khai "100 ngày cao điểm" xử lý điểm nghẽn về chuyển đổi số; phát triển hạ tầng dữ liệu, vận hành hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia; triển khai quyết liệt Đề án 06. Ban hành danh mục công nghệ chiến lược; triển khai Chương trình quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược.

An sinh xã hội được bảo đảm, đời sống của người dân được nâng lên; tăng lương cơ sở từ ngày 01/7/2026 và tăng phụ cấp đối với cán bộ, công chức cấp xã từ 25% lên 55%. Đã hợp nhất 4 chương trình mục tiêu quốc gia. Nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê phát triển mạnh. Triển khai quyết liệt Chiến dịch 500 ngày đêm tìm kiếm, quy tập, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ. Công nghiệp văn hoá, giải trí, nghệ thuật... phát triển mạnh.

Sử dụng thống nhất 1 bộ sách giáo khoa từ năm học 2026 - 2027; khánh thành đồng loạt 107 trường học tại các xã biên giới; tiếp tục thực hiện chính sách miễn, giảm học phí. Sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục theo quy mô dân số, phân bố dân cư. Chất lượng y tế cơ sở, y tế dự phòng được cải thiện; 8 tháng đầu năm đã khám sức khoẻ định kỳ, sàng lọc miễn phí cho khoảng 52 triệu người. Bảo vệ môi trường được đẩy mạnh.

Tiềm lực quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường; độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững. Đẩy mạnh đấu tranh với các loại tội phạm, kéo giảm các loại tội phạm. Đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục là điểm sáng; tiếp tục nâng cấp quan hệ ngoại giao với 7 đối tác trong 9 tháng, nâng tầm vị thế Việt Nam.

Bên cạnh những kết quả đạt được là cơ bản, vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Điều hành kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát tiếp tục chịu áp lực lớn; thị trường tiền tệ, tỉ giá chịu nhiều sức ép từ bên ngoài; lãi suất cho vay còn cao. Tiếp cận vốn, đất đai, tín dụng của doanh nghiệp nhỏ và vừa còn khó khăn; nguồn cung vật liệu xây dựng còn thiếu, giá biến động mạnh. Cơ cấu xuất nhập khẩu chưa bền vững. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phục vụ tăng năng suất, năng lực quản trị, đổi mới mô hình phát triển cần tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ. Còn một số hạn chế, tồn tại trong lĩnh vực y tế, giáo dục, trong đó có tiêu cực, sai phạm. Đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn; ô nhiễm không khí, ngập úng, ùn tắc giao thông chưa được xử lý triệt để; an ninh mạng, tội phạm công nghệ cao, ma túy... còn phức tạp.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế là do tác động của tình hình thế giới biến động, đặc biệt là xung đột tại Trung Đông; các vấn đề nội tại, năng lực khoa học, công nghệ cần thời gian để phát huy hiệu quả; tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu. Một số bộ, cơ quan, địa phương, nhất là người đứng đầu chưa thực sự chủ động, sát sao công việc, còn né tránh; vận hành chính quyền địa phương 2 cấp có nơi còn lúng túng.

Trong những tháng cuối năm, phấn đấu đạt cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu năm 2026, nhất là tăng trưởng 2 con số, kiểm soát lạm phát khoảng 4,5%. Hoàn thành các nhiệm vụ năm 2026. Điều hành đồng bộ chính sách tài khoá, tiền tệ; bảo đảm nguồn cung điện, xăng dầu; đẩy nhanh các dự án hạ tầng chiến lược. Đẩy mạnh kích cầu tiêu dùng, du lịch cuối năm gắn với bình ổn giá; thúc đẩy xuất khẩu. Các địa phương chưa đạt kịch bản tăng trưởng phải quyết liệt hơn; các cực tăng trưởng lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đồng Nai, Bắc Ninh... cần đóng góp nhiều hơn. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, pháp luật, ban hành đúng hạn văn bản quy định chi tiết; rà soát, cắt giảm tối đa các khâu trung gian trong phân phối xăng dầu, cung ứng điện, phát hành sách giáo khoa, thuốc và thiết bị y tế; phấn đấu giải ngân 100% kế hoạch đầu tư công; tháo gỡ các dự án tồn đọng; doanh nghiệp nhà nước hoàn thành kế hoạch đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Hoàn thành mục tiêu "100 ngày cao điểm" xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số. Chú trọng phát triển văn hoá, xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; tập trung chăm lo cho người có công, đối tượng chính sách, nhất là trong dịp lễ, tết; phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê; triển khai quyết liệt Chiến dịch 500 ngày đêm tìm kiếm, quy tập, xác định danh tính hài cốt liệt

sĩ; tăng cường quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm; bảo đảm an toàn, chất lượng bữa ăn nội trú, bán trú trong trường học. Phòng, chống thiên tai; giữ vững quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh đối ngoại và truyền thông chính sách.

II- VỀ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2027

Năm 2027, tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường. Với tinh thần quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt ngay từ đầu năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; đồng thời, yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương tiếp tục thực thi quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ.

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu

Năm 2027 là năm tăng tốc, bứt phá, tạo đà, tạo thế, tạo lực để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng. Tập trung quyết liệt phấn đấu tăng trưởng kinh tế từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; lấy hiệu quả thực chất, năng suất và đời sống Nhân dân làm thước đo. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực; chuyển mạnh từ chủ trương sang thực thi, xác định rõ trách nhiệm, tiến độ, kết quả; vận hành thông suốt, hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp. Gắn kết hài hoà phát triển kinh tế với văn hoá, xã hội, môi trường; bảo đảm an sinh xã hội. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. củng cố quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế, công tác dân vận, truyền thông chính sách (mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể năm 2027 tại Phụ lục kèm theo Kết luận này).

2. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

2.1. Phấn đấu tăng trưởng từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn. Cụ thể hoá mục tiêu tăng trưởng thành kịch bản, chỉ tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm theo từng ngành, lĩnh vực, địa phương và thường xuyên cập nhật kịp thời, có giải pháp phù hợp. Phối hợp chặt chẽ chính sách tài khoá, tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác.

Tạo đột phá trong huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, trong đó: Tập trung phấn đấu tăng thu NSNN khoảng 9,1% so với thực hiện năm 2026 và tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên; phát hành các loại hình trái phiếu (chính phủ, địa phương, doanh nghiệp, công trình); vay ODA; huy động nguồn vốn tín dụng; tăng đầu tư từ các doanh nghiệp nhà nước, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, minh bạch để đẩy mạnh thu hút đầu tư tư nhân; có các giải pháp cụ thể khuyến khích doanh nghiệp FDI sử dụng các nguồn vốn, lợi nhuận chưa chuyển về nước để tái đầu tư tại Việt Nam; sớm triển

khai chính sách mở rộng tỉ lệ sở hữu nước ngoài trong các ngành, nghề không ảnh hưởng đến an ninh quốc gia; phát triển thị trường vốn trung và dài hạn hiện đại. Phấn đấu nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia; thu hút các quỹ đầu tư quốc tế, dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài dài hạn, ổn định...

Điều hành lãi suất, tỉ giá phù hợp với tình hình trong nước và quốc tế; giảm lãi suất cho vay, hướng tín dụng vào sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên; kiểm soát tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - NSNN; bảo đảm an ninh tài chính; mở rộng cơ sở thu, chống thất thu, chống chuyển giá. Tiếp tục rà soát, đơn giản hoá quy trình, thủ tục đầu tư. Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công gắn với hiệu quả các dự án, công trình; phân bổ vốn theo kết quả đầu ra. Có giải pháp khả thi cải thiện chỉ số ICOR. Kiên quyết điều chuyển vốn từ nơi giải ngân thấp sang nơi giải ngân tốt.

Phát huy, làm mới các động lực truyền thống; phát triển thị trường trong nước; kích cầu, phát triển thương mại hiện đại, kinh tế ban đêm; đa dạng hoá thị trường xuất nhập khẩu gắn với nâng cao giá trị gia tăng, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng khu vực, toàn cầu; giảm phụ thuộc vào một số ít thị trường; xử lý kịp thời các vấn đề thương mại, thuế quan. Có giải pháp hiệu quả để xử lý nhập siêu. Phát triển lành mạnh, an toàn, bền vững thị trường bất động sản và các thị trường khác. Xử lý dứt điểm các dự án tồn đọng kéo dài. Bảo đảm an ninh năng lượng, cung ứng đủ điện, xăng dầu trong mọi tình huống.

2.2. Tập trung hoàn thiện thể chế, pháp luật, nâng cao chất lượng, tạo chuyển biến thực chất trong tổ chức thực thi. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW; xử lý dứt điểm quy định mâu thuẫn, chồng chéo; không để chậm ban hành văn bản quy định chi tiết. Cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Cắt giảm báo cáo, văn bản, hội họp không cần thiết.

Tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp theo Kết luận số 76-KL/TW; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp, phân quyền, nhất là cấp xã, bảo đảm thẩm quyền đi đôi với nguồn lực và trách nhiệm. Bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ trực tiếp chỉ đạo xử lý dứt điểm nhà, đất dôi dư. Xây dựng, triển khai hiệu quả cơ chế bảo vệ cán bộ, công chức dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Đẩy mạnh tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; xử lý tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm.

2.3. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình phát triển, nâng cao năng lực nội tại, tính độc lập, tự chủ và sức chống chịu của nền kinh tế. Phát triển mạnh hệ sinh thái công nghiệp trong nước; ưu tiên công nghiệp nền tảng, công nghiệp hỗ trợ, nâng cao năng lực tự chủ và khả năng thay thế khi nguồn

cung bên ngoài bị gián đoạn. Cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, giá trị gia tăng cao, theo chuỗi giá trị; tích cực tháo gỡ "thẻ vàng" IUU. Phát triển dịch vụ hiện đại, chất lượng, giá trị gia tăng cao; triển khai hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW về phát triển du lịch; hình thành các trung tâm logistics hiện đại. Đẩy mạnh thương mại điện tử gắn với quản lý chất lượng hàng hoá, bảo vệ người tiêu dùng.

Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 79-NQ/TW, cơ cấu lại thực chất doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Phát triển mạnh kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW, tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp tư nhân trong nước phát triển, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp; phát triển doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TW, thu hút có chọn lọc đầu tư nước ngoài gắn với chuyển giao công nghệ. Hiện đại hoá hệ thống ngân hàng, xử lý nợ xấu, tổ chức tín dụng yếu kém, ngăn ngừa hiệu quả sở hữu chéo. Vận hành hiệu quả Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng tỉ lệ lao động phi nông nghiệp.

2.4. Tập trung hoàn thiện mạng lưới đường bộ cao tốc theo quy hoạch, nhất là cao tốc Bắc - Nam phía Đông, Bắc - Nam phía Tây và các trục Đông - Tây quan trọng; đường ven biển; các tuyến đường vành đai kết nối liên vùng. Phát triển hệ thống cảng biển cửa ngõ, cảng trung chuyển quốc tế, các tuyến vận tải thuỷ trọng yếu. Thúc đẩy các dự án đường sắt quan trọng quốc gia, nhất là tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, các tuyến kết nối quốc tế, đường sắt đô thị. Đẩy nhanh tiến độ các Cảng hàng không quốc tế Long Thành và Gia Bình. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW; xây dựng chiến lược dự trữ năng lượng quốc gia; đẩy nhanh các dự án nguồn điện, lưới điện truyền tải và điện mặt trời mái nhà theo quy hoạch, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW, mở rộng không gian phát triển, hình thành các cực tăng trưởng. Kiên quyết khắc phục tình trạng địa phương đầu tư sân bay, cảng biển, trung tâm dữ liệu, khu thương mại tự do... theo phong trào, gây lãng phí.

2.5. Tạo đột phá thực chất về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, chuyển mạnh sang tạo ra sản phẩm, kết quả và giá trị cụ thể trong từng ngành, lĩnh vực; làm chủ công nghệ chiến lược, lượng hoá đóng góp vào tăng trưởng. Phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu; vận hành hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia; phủ sóng 5G toàn quốc, chuẩn bị các điều kiện cho 6G, phát triển Internet vệ tinh quỹ đạo thấp, các tuyến cáp quang biển. Bảo đảm an ninh mạng, chủ quyền dữ liệu quốc gia.

2.6. Tạo chuyển biến thực chất, rõ nét về chất lượng giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo Nghị quyết số 71-NQ/TW. Đổi mới quản trị giáo dục, phương pháp dạy, học, thi, giảm áp lực thi cử. Giải quyết tình trạng thiếu trường, lớp, giáo viên, nhất là tại đô thị, khu công nghiệp, vùng khó khăn, biên giới, hải đảo. Bảo đảm cung ứng đầy đủ, kịp thời sách giáo khoa cho học sinh trước khi bắt đầu năm học 2027 - 2028. Đẩy mạnh giáo dục số, STEM/STEAM; từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Hình thành hồ sơ học tập số của công dân. Bảo đảm điều kiện vận hành các trường nội trú liên cấp vùng biên giới sau khi đi vào hoạt động.

2.7. Tạo chuyển biến căn bản, thực chất về phát triển văn hoá, xã hội, y tế và bảo đảm an sinh xã hội. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW; phát triển công nghiệp văn hoá, kinh tế sáng tạo; bảo tồn, phát huy di sản gắn với phát triển du lịch. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia hợp nhất, tập trung nguồn lực đến cơ sở, đúng địa bàn, đúng đối tượng, giải quyết những nhu cầu thiết yếu của người dân; nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững. Thực hiện tốt chính sách đối với người có công; tổ chức trang trọng kỷ niệm 80 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ; tập trung cho Chiến dịch 500 ngày đêm tìm kiếm, quy tập, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ, đầu tư hệ thống xét nghiệm ADN. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW, chuyển mạnh từ tập trung khám, chữa bệnh sang chủ động phòng bệnh, chăm sóc sức khoẻ toàn diện. Thực hiện khám sức khoẻ định kỳ, sàng lọc miễn phí; củng cố y tế cơ sở, y tế dự phòng. Đẩy nhanh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, nhà ở công nhân, phân đầu hoàn thành trên 176 nghìn căn hộ trong năm 2027. Phát triển thị trường lao động hiện đại, chuyển lao động phi chính thức sang chính thức; mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

2.8. Tạo chuyển biến căn bản trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 79-NQ/TW và Kết luận số 83-KL/TW về phát triển công nghiệp vật liệu Việt Nam. Hoàn thiện, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; quản lý chặt khoáng sản chiến lược, đẩy mạnh chế biến sâu, không xuất khẩu thô; năm 2027 hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia ngành vật liệu. Quản lý, bảo vệ, khai thác bền vững tài nguyên nước, bảo đảm an ninh nguồn nước. Tăng cường dự báo, cảnh báo, ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung xử lý các điểm nóng ô nhiễm không khí, nguồn nước, chất thải rắn. Vận hành hiệu quả thị trường cacbon, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Phát triển các ngành kinh tế biển mới gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia.

2.9. Củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh. Bố trí thể trận quốc phòng, an ninh phù hợp với tình hình mới; gắn kết chặt chẽ quốc phòng với an ninh, kinh tế, đối ngoại. Tiếp tục củng cố, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, hiện đại, phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ các cấp chủ động, vững chắc. Giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; tăng cường phòng, chống cháy nổ; xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hoà, phát triển theo Nghị quyết số 18-NQ/TW. Bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, an ninh con người, an ninh chế độ, an ninh thể chế, an ninh trên các lĩnh vực, không gian theo Nghị quyết số 22-NQ/TW; chủ động nắm chắc, dự báo sát tình hình, xử lý kịp thời từ cơ sở. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh tự chủ, lưỡng dụng, hiện đại. Thể chế hoá chủ trương thúc đẩy hợp tác công nghiệp quốc phòng, an ninh và công nghiệp dân sinh. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm, buôn lậu, gian lận thương mại, vi phạm sở hữu trí tuệ và các thách thức an ninh phi truyền thống.

2.10. Đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW, số 59-NQ/TW về đối ngoại, hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, đa phương hoá, đa dạng hoá; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc; không để bị động, bất ngờ. Tổ chức thành công APEC 2027. Chủ động phòng ngừa rủi ro pháp lý quốc tế, tranh chấp đầu tư quốc tế.

2.11. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thông tin, tuyên truyền, tạo đồng thuận xã hội. Kiên quyết đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thông tin xấu, độc. Phát huy mạnh mẽ các phong trào thi đua yêu nước; nâng cao chất lượng công tác dân vận; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ ở cơ sở. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể nhân dân trong củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chú trọng công tác truyền thông chính sách, ngay từ khâu xây dựng chủ trương.

2.12. Đồng ý:

a) Năm 2027, phấn đấu tăng trưởng GDP đạt 10% trở lên; tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5%; phấn đấu thu NSNN năm 2027 tăng khoảng 9,1% so với thực hiện năm 2026.

b) Để bảo đảm sự chủ động, linh hoạt trong điều hành, đồng ý chủ trương:

- Dự kiến cân đối NSNN năm 2027, trong đó bố trí dự toán ngân sách trung ương để bổ sung nguồn tích lũy cải cách tiền lương; phương án phân chia tỉ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đối với 4 khoản thu thuế (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường).

Cho phép đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ tài chính - NSNN năm 2027 của Trung ương và địa phương theo dự toán điều chỉnh trong trường hợp có biến động hoặc ban hành thêm các chính sách tác động tới thu NSNN.

- Thực hiện nghiêm Kết luận số 18-KL/TW, Nghị quyết số 79-NQ/TW, không ban hành thêm các quy định về tỉ lệ % bố trí chi NSNN cho các ngành, lĩnh vực; giao Đảng uỷ Chính phủ rà soát, kiến nghị điều chỉnh.

- Trong dự toán NSNN năm 2027, tiết kiệm ngay khi phân bổ ngân sách từ đầu năm 5% chi đầu tư công để bổ sung cho các dự án trọng điểm, cấp thiết và 10% chi thường xuyên (ngoài tiết kiệm tạo nguồn cải cách tiền lương, các khoản chi lương, có tính chất tiền lương và các khoản chi cho con người) để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Quốc hội căn cứ Kết luận này hoàn chỉnh các báo cáo, dự thảo Kế hoạch, Nghị quyết để trình Quốc hội xem xét, quyết định; kịp thời điều chỉnh khi có biến động lớn.

Giao Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Dân vận, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương và các cơ quan liên quan hướng dẫn việc học tập, quán triệt, tuyên truyền Kết luận.

Cấp uỷ, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thống nhất tư duy, nhận thức, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện; xây dựng các chương trình hành động cụ thể thực hiện Kết luận này và các nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển KTXH và dự toán NSNN năm 2027, đưa các quyết sách thành kết quả cụ thể, hiệu quả, thực chất.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các ban đảng Trung ương;
- Các đơn vị sự nghiệp ở Trung ương;
- Các đảng uỷ bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương;
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương;
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ



Tô Lâm

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2027
(Kèm theo Kết luận số 106-KL/TW, ngày 15/10/2026
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Dự kiến năm 2027
I	VỀ KINH TẾ		
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	$\geq 10,0$
1.1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3,8 Phần đầu đạt 4
1.2	Công nghiệp - xây dựng	%	12,2
	<i>Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%	12,3
1.3	Dịch vụ	%	9,8
2	GDP bình quân đầu người	USD	Khoảng 6.100
3	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	11,5 - 12,5
4	Tỉ lệ nội địa hoá một số ngành công nghiệp chủ lực	%	40 - 42
5	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	%	25,4
6	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	USD	1.560
7	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%	Khoảng 4,5
8	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	14
9	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hoá	%	15
10	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu hàng hoá	%	12
11	Tăng trưởng doanh số thương mại điện tử	%	15 - 17
12	Tăng trưởng ngành công nghiệp văn hoá	%	Khoảng 10
13	Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam	Triệu lượt khách	28 - 29
14	Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội/GDP	%	36 - 38
15	Tốc độ tăng năng suất lao động	%	8,6
16	Tổng tích lũy tài sản so với GDP	%	33,2

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2027
17	Tiêu dùng cuối cùng so với GDP	%	62,4
18	Tỉ trọng kinh tế số trong GDP	%	Khoảng 23,5
19	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp	%	37
20	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	%	10
21	Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế	Triệu doanh nghiệp	1,18
22	Tỉ lệ đô thị hoá	%	54
II	VỀ VĂN HOÁ, XÃ HỘI		
23	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	74,8
24	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	25,3
25	Tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi ở khu vực thành thị	%	< 4
26	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	30
27	Tỉ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	%	63
28	Tỉ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%	33
29	Tỉ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động	%	28
30	Tỉ lệ giảm hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	Điểm%	1 - 1,5
31	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Bác sĩ	15,5
32	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường	36
33	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân	%	96,7
34	Tỉ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	20
35	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khoẻ hằng năm	%	> 95
36	Chỉ số phát triển con người (HDI)		0,781
III	VỀ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU		
37	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	95
38	Tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	%	65

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2027
39	Tỉ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%	98
40	Tỉ lệ cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất xanh	%	30
41	Tỉ lệ tổn thất điện năng	%	5,95
42	Tỉ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	%	55
43	Tỉ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	96
44	Tỉ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển trong diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia	%	0,36
45	Tỉ lệ che phủ rừng	%	42,03

Phụ lục II
MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG GRDP NĂM 2027
CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ
(Kèm theo Kết luận số 106-KL/TW, ngày 15/10/2026
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV)

TT	Địa phương	GRDP mục tiêu năm 2027 (%)
1	Thành phố Hà Nội	11,1
2	Thành phố Hồ Chí Minh	10,4
3	Thành phố Hải Phòng	13
4	Thành phố Quảng Ninh	12
5	Thành phố Bắc Ninh	10,5
6	Thành phố Huế	10
7	Thành phố Đà Nẵng	11
8	Thành phố Đồng Nai	11
9	Thành phố Cần Thơ	10,6
10	Lai Châu	10
11	Điện Biên	10,4
12	Sơn La	9,3
13	Lào Cai	10,2
14	Phú Thọ	11
15	Tuyên Quang	10,5
16	Cao Bằng	10
17	Thái Nguyên	10,5
18	Lạng Sơn	10
19	Hưng Yên	10,5
20	Ninh Bình	10,5

TT	Địa phương	GRDP mục tiêu năm 2027 (%)
21	Thanh Hoá	11
22	Nghệ An	10,5
23	Hà Tĩnh	10,1
24	Quảng Trị	9,0
25	Quảng Ngãi	9,0
26	Gia Lai	10
27	Đắk Lắk	10,8
28	Khánh Hoà	10,5
29	Lâm Đồng	11
30	Tây Ninh	10
31	Đồng Tháp	8,7
32	Vĩnh Long	10,2
33	An Giang	10,7
34	Cà Mau	10
